VÀI NÉT VỀ TÌNH HÌNH RUỘNG ĐẤT LÀNG LONG SÙNG QUA TƯ LIỆU ĐỊA BẠ MINH MỆNH 13 (1832)

NGUYỄN THANH HÒA*

Long Sùng là làng của xứ Thanh trên vùng đất Thọ Xuân, Thanh Hóa được hình thành dưới thời Trần. Buổi đầu trung hưng, nhà Lê chọn Vạn Lại-Yên Trường làm nơi căn bản để "dấy nghiệp đế vương", Long Sùng là phên dậu, chốt chặn cuối cùng bảo vệ kinh đô Nam triều trước các cuộc tấn công của quân nhà Mạc. Vào cuối thời trung đại, Long Sùng, như bao làng xã trên vùng đất Thọ Xuân và xứ Thanh, nơi đây chịu những tác động to lớn từ những biến động của tình hình chính trị đất nước. Do những khó khăn về nguồn tư liệu, bức tranh làng xã nơi đây vào thời trung đại vẫn còn là một khoảng trống cần tiếp tục đi sâu tìm hiểu.

Qua nguồn tư liệu địa bạ được lập năm Minh Mệnh thứ 13 (1832) về Long Sùng, bài viết tập trung trình bày tình hình ruộng đất tại địa phương, một nét chủ đạo trong đời sống làng xã những năm 30 của thế kỷ XIX. Mặt khác, từ những thông tin trong địa bạ, bài viết cũng đưa ra một số nhận định bước đầu về đời sống làng xã, dân cư, bộ máy hành chính xã thôn, nhằm lấp dần khoảng trống trong bức tranh lịch sử làng quê nơi đây.

1. Khái quát về làng Long Sùng

Long Sùng thuộc tổng Quảng Thi, huyện Thụy Nguyên, nay là làng Long Thịnh, xã Thuận Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, là ngôi làng nằm bên bờ Lương Giang (sông Chu), một trong những ngôi làng cổ của xứ Thanh được hình thành dưới thời nhà Trần.

Theo tài liệu địa phương và qua lời kể của các bậc cao niên của làng thì vào khoảng thế kỉ XIII, ông Hà Văn Thọ dẫn theo gia đình (con trai Hà Văn Như) từ Điền Lư, huyện Bá Thước, Thanh Hóa đến khai phá, lập nên làng Long Sùng. Sau họ Hà, nhiều dòng họ khác đến đây cộng cư lập nghiệp: họ Lê Đình, Lê Văn, Nguyễn Văn di cư từ đất Hoằng Hóa, họ Lê Hữu, Nguyễn Văn, Nguyễn Bá, họ Lương, họ Trịnh…. Buổi đầu thành lập, Long Sùng có tên gọi Kẻ Chóng, nằm dọc theo tả ngạn sông Chu, giáp làng cổ An Lạc (1) đến làng An Trường có chiều dài khoảng 2km, địa bàn phân bố gồm các xóm: xóm Hạ, xóm Trung, xóm Thượng (trước năm 1945), nay là các thôn: 6, 7 và 8 (của xã Thuận Minh). Qua thời gian, Long Sùng có nhiều tên gọi khác: ấp Lũng Phu, ấp Phù Lưu (thời Trần), sang thời Hậu Lê làng được gọi tên là Long Sùng. Dưới thời Lê Trung hưng giai đoạn Nam-Bắc triều (1533-1593), năm 1556, vua Lê Trung Tông mất, không có con nối dõi, triều đình nhà Lê tìm được Lê Duy Bang là cháu 6 đời của Lê Trừ (anh Lê Lợi), đem về

*ThS. Trường Đại học Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình

Long Sùng làm lễ yết bái trời đất, sau đó được tôn làm vua tức vua Lê Anh Tông (1532-1573). Vào năm Hồng Phúc nguyên niên (1572), nhớ về mảnh đất nơi vua lên ngôi, Long Sùng được nhà vua đổi thành Long Thịnh. Ghi nhớ sự kiện được nhà vua đặt tên, dân làng Long Sùng từ xưa lưu truyền câu đối và hiện nay được đắp ở cổng làng:

"Hưởng được phúc vua ban tên làng Long Thịnh

Thọ trọng lộc trời lập ấp đất Phù Lưu" (2).

Sang thế kỷ XVII, địa danh Long Sùng được gọi chính thức trong *Đại Việt sử ký toàn thư* thay cho tên gọi Long Thịnh vào thời điểm quân nhà Mạc tấn công vào đất Vạn Lại-Yên Trường. Về sự kiện này, *Đại Việt sử ký toàn thư* chép "Tháng 10, tướng Mạc đem quân giao chiến với quan quân, chống nhau ở sông Bảo Lạc, Long Sùng. Các tướng hay dùng kỳ binh, ban ngày thì cố thủ, ban đêm thì đánh cướp doanh trại, quấy rối quân địch. Từ đấy, quân Mạc phấp phỏng kinh sợ" (3). Sang thời Nguyễn, qua tư liệu địa bạ Minh Mệnh thứ 13 (1832), Long Sùng vẫn được sử dụng làm tên gọi chính thức, thể hiện rõ trong địa bạ của làng. Dưới triều Đồng Khánh (1885-1888), Long Sùng được lấy theo tên cũ là Long Thịnh, tổng Quảng Thi, huyện Thụy Nguyên, phủ Thiệu Hóa; đời vua Thành Thái, Long Thịnh thuộc tổng Quảng Yên, phủ Thọ Xuân. Tên Long Thịnh thay cho Long Sùng được sử dụng đến ngày nay. Hiện nay, làng Long Thịnh thuộc xã Thuận Minh có diện tích 257ha với dân số gần 2 nghìn nhân khẩu với 35 dòng họ sinh sống, tạo nên một cộng đồng cư dân mật tập đông đúc.

Mặc dù là một làng nhỏ bé, nhưng trong tiến trình lịch sử, Long Sùng lại gắn liền với nhiều biến cố lớn của đất nước: Đầu thế kỉ XV, Lê Lợi đã chọn Long Sùng cùng với Vạn Lại là tuyến phòng thủ cho nghĩa quân Lam Sơn ở buổi đầu dấy nghĩa. Đến thế kỉ XVI, khi nhà Lê Trung hưng được lập nên thì Long Sùng là mảnh đất sát với Kinh đô Vạn Lại - Yên Trường, là địa bàn diễn ra nhiều trận chiến quan trọng, bảo vệ Kinh đô Vạn Lại - Yên Trường… Vì vậy việc tìm hiểu về Long Thịnh nói chung, tình hình ruộng đất ở Long Thịnh góp phần làm sáng rõ hơn về sự chuyển biến, phát triển của Kinh đô Vạn Lại từ sau khi nhà Lê dời đô ra Thăng Long - là một vấn đề mà trước nay chưa được lý giải thấu đáo.

2. Tình hình ruộng đất Long Sùng qua địa bạ Minh Mệnh thứ 13

Căn cứ nguồn địa bạ được lập vào năm Minh Mạng 13 (1832), tổng diện tích các hạng ruộng đất của Long Sùng là 415 mẫu 5 sào 12 thước 9 tấc (6). Bao gồm sở hữu nhà nước (công điền công thổ), sở hữu tư nhân (tư điền tư thổ) và một bộ phận các hạng đất khác, cụ thể như sau:

2.1. Ruộng đất công

Đối với công điền: diện tích chỉ còn lại *6 mẫu 1 sào 14 thước 6 tấc (trong đó ruộng loại I: 1 sào, 1 thước, 5 tấc; Ruộng loại II: 5 sào; Ruộng loại III: 5 mẫu, 5 sào, 13 thước, 1 tấc)* (8), đạt tỷ lệ 1,45% so với tổng diện tích đất của bản xã và 1,75% nếu đem so với tỷ lệ sở hữu tư nhân cùng thời điểm. Như vậy, nếu so sánh với tỷ lệ ruộng đất công làng xã đầu thế kỷ XIX trên phạm vi cả nước theo thống kê của Nguyễn Công Tiệp qua *Sĩ hoạn tu tri lục* là 17,08% (9), ở Bắc Bộ khoảng 25%, Trung Bộ 25% và Nam Bộ 3% (10), tỷ lệ ruộng đất công làng xã với trường hợp Long Sùng là rất thấp; tỷ lệ này nếu đem so sánh với một số làng xã khác của xứ Thanh cùng thời điểm như: Làng Hoằng Đạo, Bột Thái 2,26%, làng Nguyệt Viên 1%, làng Hành Vĩ, Đoan Vĩ

1,36% (các làng xã trên đều thuộc địa bàn huyện Hoằng Hóa, Thanh Hóa) (11) là xấp xỉ tương đồng.

Đối với công thổ, là một trong những loại đất công do làng xã quản lý, Long Sùng có một khoảnh diện tích 10 mẫu 5 sào, tập trung phân bố tại xứ đồng Bãi, 100% đất công thổ của xã đều thuộc đất thực trưng, không có đất lưu hoang. Đây là điểm khá đặc biệt ở Long Sùng.

thực tế các giải pháp của nhà nước quân chủ thời vua Gia Long, kế tiếp là vua Minh Mệnh gắn với chủ trương hạn chế xu hướng tư hữu hóa ruộng đất *"...* Nếu xã thôn nào trái lệnh cấm, quen thói cũ, mua bán riêng với nhau, việc phát giác ra thì người mua nhầm bị mất tiền, người làm văn khế, người cùng đứng tên trong văn khế và những người làm chứng đều bị trị tội nặng…" (12). Tuy nhiên, chủ trương khôi

Bảng 1: Tình hình phân bố công điền, công thổ tại Long Sùng

Đơn vị tính: *mẫu, sào, thước, tấc*

Stt	Tên xứ đồng	Tổng diện tích
1	**Diện tích đất công và tư**	**348.1.2.4**
2	**Công điền**	**6.1.14.6**
3	Xứ đồng Mạn	2.2.7.6
4	Xứ đồng Ải	1.6.6.1
5	Xứ đồng Lai	0.0.11.7
6	Xứ nước Dào	1.0.9.0
7	Xứ phúc Bãi	0.1.6.1
8	Xứ cầu Triệu	1.1.0.0
9	**Công thổ** (Xứ đồng Bãi)	**10.5.0.0**

Nguồn: Địa bạ Long Sùng năm Minh Mệnh 13 (1832), Lưu tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia I, ký hiệu 14735.

Như vậy, ruộng đất công ở Long Sùng đầu thế kỷ XIX bị thu hẹp đáng kể trong sự đối sánh ruộng đất tư điền. Trong mối tương quan chung của cả nước, các vùng miền, tỷ lệ sở hữu công ruộng đất đó còn thấp hơn nhiều, tương đồng với thực trạng ruộng đất công một số làng xã trên địa bàn xứ Thanh có tỷ lệ công điền cũng ở mức tương tự, điều đó khẳng định sự phân hóa ruộng đất tại địa phương diễn ra rất mạnh trước thực trạng tư hữu ruộng đất đang trở thành làn sóng. Mặt khác, số liệu từ bảng 1 cho thấy, trong cơ cấu ruộng đất công của Long Sùng, công thổ chiếm ưu thế hơn công điền, mức độ tập trung của công thổ cũng cao hơn (1 khoảnh: 10 mẫu 5 sào), trong khi công điền phân bố manh mún tại nhiều xứ đồng của địa phương. Tình hình ruộng đất công tại Long Sùng cũng phản ánh một phục sở hữu công về ruộng đất với trường hợp Long Sùng và các địa phương xứ Thanh đã không thành công.

2.2. Ruộng đất tư

Trong những năm đầu thế kỷ XIX, ruộng đất tư và tình trạng tư hữu về ruộng đất là một thực trạng chi phối sâu sắc đến nền tảng cơ sở hạ tầng, bệ đỡ quy định sự tồn tại của chính quyền quân chủ; nhưng đồng thời điều đó cũng tác động mạnh đến tư duy của người đứng đầu nhà nước quân chủ trong quản lý, điều hành đất nước. Những chính sách mang tính căn bản như việc thực thi phép quân điền áp dụng dưới các đời vua Gia Long, Minh Mạng cùng với nhiều giải pháp ngăn chặn tư hữu về ruộng đất như cấm mua bán ruộng đất… là giải pháp để các bậc quân vương triều Nguyễn tin rằng đó là cách hiệu quả nhất khẳng

định vị thế, quyền lực của hoàng đế đối với làng xã. Tuy nhiên những giải pháp trên tỏ ra không mấy khả quan khi tình hình biến công thành tư, chấp chiếm, kiêm tính ruộng đất vẫn âm thầm diễn ra trên diện rộng, đành rằng mức độ giữa các địa phương không giống nhau. Riêng với trường hợp Long Sùng, năm 1832, ruộng đất thuộc sở hữu tư nhân là 331 mẫu 4 sào 2 thước 8 tấc, trong đó diện tích tư điền là 258 mẫu 5 sào 3 tấc 4 thước, được phân bố ở các xứ đồng: Đồng Mạn, đồng Ải, đồng Lai, đồng Mã; diện tích tư thổ (thổ trạch và châu thổ): 72 mẫu 8 sào 14 thước 4 tấc, được phân bố tập trung thuộc xứ đồng Bãi. Như vậy, đối sánh hai loại ruộng đất công, tư tại Long Sùng, ruộng đất tư điền thổ chiếm đến 95,11%, cao hơn tỷ lệ ruộng đất tư trên toàn quốc 82,92% (theo *Sĩ hoạn tu tri lục),* ở Bắc Bộ, Trung Bộ 75%; tương đương với thực trạng ruộng đất tư tại các làng xã Hoằng Đạo, Bột Thái, Đại Tiền, Nguyệt Viên, Vĩnh Trị, Hành Vĩ, Đoan Vĩ của huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (13); tình hình ruộng đất tư tại Long Sùng đi ngược lại thực tế ruộng đất tại nhiều làng xã của miền Trung vì rằng "trước Cách tháng Tám, làng xã miền Trung vẫn còn phổ biến ruộng công, hay nói đúng hơn ruộng công vẫn chiếm ưu thế so với ruộng tư" (14); ruộng đất ở đây thiên về nét đặc trưng của dạng tiểu nông tư hữu của miền Bắc thay vì tiểu nông công hữu của miền Trung (15).

Về cơ cấu tư điền thổ: Quan sát thực trạng cơ cấu điền thổ tư của Long Sùng, cho thấy tư điền chiếm 77,94%, tư thổ 22,06%. Các hạng tư điền được phân loại như sau: Hạng I: 1,55%, hạng 2: 2,71% và hạng 3: 95,74% (chiếm tỷ lệ lớn nhất trong ba hạng trên). Trong tư điền, ruộng thực trưng chiếm 73,75%, ruộng lưu hoang chiếm 26,25%, và đều thuộc hạng III. Với hạng tư thổ: đất thực trưng đạt tỷ lệ 75%, trong khi diện tích lưu hoang cũng chiếm tới 25%.

Về quy mô sở hữu: Theo *Long Sùng xã địa bạ* (1832), số ruộng đất tư hữu ở Long Sùng thuộc về 78 chủ sở hữu, với quy mô mức độ sở hữu khác nhau. Có mức sở hữu dưới 1 mẫu: 18 người, chiếm 23,07% số chủ ruộng. Mức sở hữu từ 1 mẫu đến dưới 3 mẫu: 31 người, chiếm 39,74% số chủ ruộng và là bộ phận đông nhất xét về quy mô chủ sở hữu. Mức sở hữu từ 03 đến dưới 5 mẫu: 18 người, chiếm 23,07% số chủ ruộng. Từ 5 đến dưới 8 mẫu: 9 người, chiếm 11,53% số chủ ruộng, từ 8 đến dưới 10 mẫu: 2 người, chiếm 2,56% và từ 10 đến dưới 15 mẫu: 1 người, chiếm 1,28%.

Bảng 2: Tình hình tư điền, tư thổ tại Long Sùng

Đơn vị tính: Mẫu, sào, thước, tấc

Stt	Nội dung	Tổng diện tích
1	**Diện tích tư điền**	**258.5.3.4**
2	Ruộng loại I	4.3.0.0
3	Ruộng loại II	7.5.0.0
4	Ruộng Loại III, trong đó:	246.7.3.4
	- *Ruộng thực trưng*	229.6.2.3
	- *Ruộng lưu hoang*	28.9.1.1
5	**Diện tích tư thổ**	**72.8.14.4**
6	Đất thực trưng	54.6.14.8
7	Đất lưu hoang	18.1.14.6

Nguồn: Địa bạ Long Sùng năm Minh Mệnh 13 (1832), Lưu tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia I, ký hiệu 14735

Chủ ruộng có mức sở hữu cao nhất là 14 mẫu 9 sào 13 thước 7 tấc và chủ có mức sở hữu thấp nhất là 1 sào 5 thước 2 tấc. Trong tổng số 78 chủ sở hữu, có 46 chủ sở hữu là nam, chiếm 58,97%, số chủ ruộng là nữ 32 người, chiếm 41,03%. Diện tích tư điền do nữ làm chủ sở hữu lên đến 79 mẫu 0 sào 9 thước 1 tấc, chiếm tỷ lệ 30,62%, đặc điểm này mang nét tương đồng với làng Côi Trì (Yên Mô, Ninh Bình), một làng xã thuộc đồng bằng Bắc Bộ nơi "có 83 chủ sở hữu là nữ, chiếm 21,01% số chủ ruộng… nắm trong tay 10,56% diện tích ruộng tư hữu (thực trưng) (16). Đây là hiện tượng khá đặc biệt, là minh chứng sinh động, tiêu biểu nói về vai trò, vị trí người phụ nữ trong đời sống kinh tế, xã hội thời trung đại nói chung, thời Nguyễn nói riêng. Mặt khác, quan sát quy mô sở hữu của các làng xã trong điều kiện kinh tế tương tự như Hoằng Đạo, Bột Thái của huyện Hoằng Hóa, thì mức độ tập trung, phân hóa ruộng đất của xã Long Sùng, huyện Thụy Nguyên có phần nhỉnh hơn; có đến 76,93% chủ sở hữu có mức độ tập trung ruộng đất từ 1 mẫu trở lên và mức từ 3 đến dưới 8 mẫu chiếm 34,61%. Như vậy, đặt trong quan hệ sản xuất làng xã xứ Thanh và khu vực Bắc Bộ, với đặc trưng kinh tế nông dân tự canh, tiểu nông tư hữu thì mức độ tập trung ruộng đất trên địa bàn của Long Sùng đã thể hiện sự phân hóa mạnh so với thực trạng về sở hữu ruộng đất tại nhiều làng xã cùng thời điểm.

Xâm canh ruộng đất là biểu hiện, diễn ra phổ biến tại các làng xã Việt Nam những năm đầu thế kỷ XIX đặc biệt là đối với các làng xã trên địa bàn xứ Thanh. Thực tiễn diễn ra ở Long Sùng cho thấy tình trạng xâm canh ruộng đất diễn ra khá mạnh. Từ *Long Sùng xã địa bạ (1832),* trong tổng số

Bảng 3: Sở hữu ruộng tư ở Long Sùng

Stt	Quy mô sở hữu	Chủ sở hữu	
		Số lượng người	Tỷ lệ
1	Dưới 1 mẫu	18	23.07 %
2	Từ 1 đến dưới 3 mẫu	31	39.74 %
3	Từ 3 đến dưới 5 mẫu	18	23.07 %
4	Từ 5 đến dưới 8 mẫu	08	10.25 %
5	Từ 8 đến dưới 10 mẫu	02	2.56 %
	Tổng	**78**	**100 %**

Nguồn: Địa bạ Long Sùng năm Minh Mệnh thứ 13 (1832), Lưu tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia I, ký hiệu 14735.

229 mẫu 6 sào 2 thước 3 tấc ruộng thực trưng tư điền bản xã, diện tích xâm canh đạt tới 114 mẫu 1 sào 0 thước 7 tấc, chiếm 49,65%, với 50/78 chủ sở hữu chiếm 64%, xâm canh trên 86 mảnh ruộng. Có 4 xã có chủ sở hữu ruộng xâm canh, gồm: An Lạc 19 chủ (38%) xâm canh 28/86 mảnh, An Trường 28 chủ (56%) xâm canh 51/86 mảnh, An Trung 2 chủ (4%) xâm canh 4/86 mảnh và xã Hải Lịch 1 chủ (2%) xâm canh 3/86 mảnh, quy mô xâm canh diễn ra 4/5 xứ đồng bản xã (trừ xứ đồng Mả được kê vào khu vực đất hoang hóa). Trong 4 xã có chủ ruộng xâm canh, hai xã An Trường, An Lạc có số chủ sở hữu lớn chiếm tới 94%, đây là hai xã có diên cách giáp với Long Sùng nên có số chủ ruộng cùng diện tích xâm canh lớn cũng là dễ hiểu.

Trong bảng 5 cho thấy, xã An Trường (tổng An Trường) là địa phương có diện tích xâm canh lớn nhất chiếm 64,03%, tiếp theo là xã An Lạc (tổng Quảng Thi) 27,19%, xã An Trung (tổng Phú Hà) 5,43% và xã Hải Lịch (tổng Diên Hào) 3,35%. Trong 50 chủ sở hữu tư điền xâm canh đến từ 4 làng xã *(bảng 4)* cho thấy, số chủ có diện tích xâm canh dưới 1 mẫu 17 chủ (34%), xâm canh từ 1 mẫu đến dưới 3 mẫu 19 chủ (38%), xâm canh từ 3 mẫu đến dưới 5 mẫu 09 chủ (18%), xâm canh từ 5 mẫu đến dưới 9 mẫu 5 chủ (10%).

Bảng 4: Sở hữu ruộng xâm canh ở Long Sùng

Đơn vị tính: Mẫu, sào, thước, tấc

Stt	Họ tên	Quê quán	Diện tích	Stt	Họ tên	Quê quán	Diện tích
1	Lã Văn Huyên	An Lạc	1.8.5.1	26	Lê Đình Quỳnh	An Trường	1.2.6.7
2	Lê Hữu Đức	An Lạc	0.8.9.7	27	Vũ Văn Nhị	An Trường	1.9.11.2
3	Lê Thị Liên	An Lạc	2.7.8.4	28	Lê Thị Vực	An Trường	2.8.12.5
4	Lê Đức Cận	An Lạc	3.4.5.9	29	Lâm Thị Lạc	An Trường	2.5.7.2
5	Lê Văn Biện	An Lạc	1.1.13.7	30	Nguyễn Thị Mông	An Trường	2.3.6.4
6	Lê Thị Thể	An Lạc	0.2.13.0	31	Lương Đình Nhãn	An Trường	0.1.13.9
7	Lê Mậu Huy	An lạc	3.8.5.0	32	Lâm Văn Độ	An Trường	8.0.9.8
8	Lê Thị Mệnh	An Lạc	4.2.1.7	33	Lâm Văn Dữ	An Trường	2.7.0.4
9	Lê Đức Ưng	An lạc	0.7.0.9	34	Lưu Thị Thước	An Trường	2.9.4.9
10	Lê Thị Vựng	An Lạc	0.2.0.0	35	Nguyễn Văn Núi	An Trường	4.0.9.3
11	Nguyễn Bá Suối	An Lạc	5.7.9.3	36	Lưu Xuân Vịnh	An Trường	1.2.13.2
12	Trần Thị Miêu	An Lạc	1.1.12.4	37	Hoàng Thị Lễ	An Trường	0.4.2.3
13	Trần Thị Ngưỡng	An Lạc	1.3.10.6	38	Đỗ Thị Phú	An Trường	0.1.4.5
14	Phạm Hữu Doanh	An Lạc	0.3.7.1	39	Trần Thị Sính	An Trường	0.6.3.2
15	Lê Thị Liêm	An Lạc	0.6.10.0	40	Bùi Thị Vạn	An Trường	2.9.14.0
16	Lê Đình Thố	An Lạc	1.6.4.9	41	Lê Đình Quýnh	An Trường	2.7.3.8
17	Lê Thị Khi	An Lạc	0.2.0.6	42	Lâm Văn Dữ	An Trường	0.1.5.2
18	Phạm Thị Lễ	An Lạc	0.1.5.2	43	Đặng Thị Lộc	An Trường	1.4.0.7
19	Lê Thị Hiên	An Lạc	0.4.2.7	44	Đặng Thị Lã	An Trường	0.9.11.8
20	Cao Trọng Khiêm	An Trường	3.8.12.3	45	Lê Thị Quyền	An Trường	0.4.0.1
21	Cao Thị Ngấn	An Trường	3.4.8.4	46	Lê Thị Thanh	An Trường	1.4.8.9
22	Nguyễn Thị Nhĩ	An Trường	7.6.2.3	47	Bùi Danh Tấu	An Trường	2.3.2.1
23	Lê Thị Hiên	An Trường	3.8.6.9	48	Hà Trọng Thư	An Trung	5.5.2.8
24	Trịnh Duy Bóng	An Trường	6.1.8.8	49	Lưu Đăng Dung	An Trung	0.7.8.3
25	Trần Văn Mật	An Trường	4.3.13.7	50	Lê Đăng Thản	Hải Lịch	3.5.8.0

Nguồn: Địa bạ Long Sùng năm Minh Mệnh 13 (1832), Lưu tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia I, ký hiệu 14735

Bảng 5: Quy mô diện tích xâm canh của các xã khác tại Long Sùng

Đơn vị tính: Mẫu, sào, thước, tấc

Stt	Tên xã	Tổng diện tích
1	Xã An Trường	73.1.6.5
2	Xã An Lạc	31.0.5.1
3	Xã An Trung	6.2.11.1
4	Xã Hải Lịch	3.5.8.0
	Cộng	**114.1.0.7**

Nguồn: Địa bạ Long Sùng năm Minh Mệnh 13 (1832), Lưu tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia I, ký hiệu 14735

Lý giải nguyên nhân cho hiện tượng xâm canh ruộng đất, cũng giống như Hoằng Đạo, Bột Thái của Hoằng Hóa và nhiều làng quê khác trên cả nước, hiện tượng mua bán ruộng đất vào thời điểm này đã rất phát triển. Mặt khác, bản thân Long Sùng cũng chịu tác động từ yếu tố đặc thù địa phương và chính sách đối với ruộng đất của chính quyền quân chủ. Dưới góc độ địa phương, vào thời đầu vua Gia Long, xã Long Sùng thuộc tổng Quảng Thi vì nhiều lý do khác nhau là một trong những làng xã thuộc diện phiêu bạt, ly tán, có nghĩa rằng các chủ ruộng thực sự đã không còn sinh sống ở làng, do vậy ruộng đất nơi đây đứng trước thực trạng trở thành các mảnh ruộng vô chủ, không người quản lý. Dưới góc độ quản lý nhà nước, thực trạng dân phiêu tán xuất phát từ hệ quả của chiến tranh, thiên tai, mất mùa, dịch bệnh, nạn đói… là một hiện tượng phổ biến, một vấn nạn từ góc độ xã hội, tác động sâu sắc đến các làng quê Việt Nam, là biểu hiện tập trung cho sự sa sút

kinh tế nông nghiệp nước ta đầu thế kỷ XIX. Nhận thức được điều đó, từ năm 1802, vua Gia Long đã yêu cầu "các phủ huyện Bắc Thành đi khám đất của dân lưu tán. Nếu dân làng bên cạnh cấy chiếm thì cho khai nhận và phải nộp thuế theo đẳng hạng công tư" (17); năm 1805, vua Gia Long đã xuống chiếu "từ năm này tới năm 1807, nếu chủ ruộng chưa về thì ruộng đất "cho nhân dân xã khác ai trưng trước thì được", "chủ ruộng là người dân từ vùng Nghệ An ra Bắc, vì nhiều lý do nào đấy, đã phải lưu tán từ năm 1802 trở về trước và đến năm 1807 vẫn chưa trở về chốn cũ thì ruộng đất của họ bỏ lại sẽ được nhà nước tịch thu để trao lại cho một người chủ mới" (18). Đến năm Gia Long thứ 16 (1817), huyện Thụy Nguyên, tỉnh Thanh Hóa không còn nằm trong danh sách có làng xã thuộc diện phiêu tán của xứ Thanh, tuy nhiên điều đó không chứng minh được rằng cư dân thuộc diện ly hương, phiêu tán đã trở lại làng xã của họ một cách hoàn toàn. Trong tổng số 78 chủ sở hữu ruộng đất tại Long Sùng năm Minh Mệnh thứ 13 (1832), chủ ruộng là người bản xã chỉ có 28 người, chiếm 29,48%, chưa đến 1/3 tổng số chủ ruộng. Điều này phản ánh một thực tế về biến đổi dân cư tại địa phương, thể hiện ở việc các chủ nhân đích thực về ruộng đất tại Long Sùng thuộc diện dân phiêu tán mới trở về một phần hoặc kết hợp với các chủ đất mới di cư đến từ địa phương khác.

Mặt khác, tuy chủ sở hữu ruộng đất là người bản xã có số lượng ít hơn so với đối tượng xâm canh, nhưng ở chiều ngược lại diện tích sở hữu thực tế của họ lại nhỉnh hơn (50,35%) so với diện tích của 4 xã xâm canh gộp lại. Điều đó khẳng định mức độ tập trung ruộng đất, bình quân sở hữu ruộng đất của dân bản xã so với lực lượng xâm canh là cao hơn, đồng thời cho thấy sự phân hóa và tính tập trung ruộng đất được tạo ra với cư dân từ Long Sùng là sâu sắc hơn.

Bảng 6: Quy mô các chủ sở hữu ruộng tư là người Long Sùng

Stt	Quy mô sở hữu	Chủ sở hữu	Tỷ lệ
1	Sở hữu dưới 1 mẫu	1	3,57%
2	Sở hữu từ 1 mẫu đến dưới 4 mẫu	17	60,71%
3	Sở hữu từ 4 mẫu đến dưới 6 mẫu	7	25%
4	Sở hữu từ 7 mẫu đến dưới 9 mẫu	3	10,72%
	Cộng	**28**	**100%**

Nguồn: Địa bạ Long Sùng năm Minh Mệnh 13 (1832), Lưu tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia I, ký hiệu 14735

Lý giải cho hiện tượng phân hóa, tập trung ruộng đất tại Long Sùng với các chủ sở hữu là người địa phương trước đó thuộc diện làng xã phiêu tán, hệ quả đó được tạo ra bởi các nhân tố: *Thứ nhất*, tuy là lực lượng phiêu tán trở về hoặc là những người chủ mới của làng xã, những cư dân này mới là những chủ sở hữu thực sự của những diện tích tư điền trên. Do đó, họ vẫn có những đặc quyền nhất định đối với ruộng đất đã từng sở hữu theo tinh thần *ruộng làng nào làng ấy quản*. *Thứ hai*, việc mua bán ruộng đất trở thành hiện tượng phổ biến, là mảnh đất màu mỡ để việc tập trung ruộng đất trở nên thuận lợi với những cá nhân, gia đình có tiềm lực về kinh tế. *Thứ ba*, hiện tượng bao chiếm, kiêm tính ruộng đất, đặc biệt là với những chủ ruộng không trở về quê hương bản quán theo khuyến cáo của chính quyền

Bảng 7: Sở hữu ruộng đất của các dòng họ ở Long Sùng

Đơn vị tính: Mẫu, sào, thước, tấc

Stt	Tên các dòng họ	Số chủ sở hữu		Quy mô diện tích				Tỷ lệ (%)
		Người	Tỷ lệ (%)	Mẫu	Sào	Thước	Tấc	
1	Họ Lê	22	78.58%	99	6	5	9	85.49%
2	Họ Nguyễn	02	7.14%	5	6	11	1	4.89%
3	Họ Hà	01	3.57%	1	6	14	7	1.46%
4	Họ Phạm	01	3.57%	5	3	9	3	4.63%
5	Họ Trịnh	01	3.57%	1	0	0	3	0.86%
6.	Họ Lương	01	3.57%	3	2	6	7	2.67%
	Cộng	**28**	**100%**	**116**	**5**	**2**	**0**	**100%**

Nguồn: Địa bạ Long Sùng năm Minh Mệnh 13 (1832), Lưu tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia I, ký hiệu 14735

Bảng 8: Sở hữu ruộng đất của các chức dịch ở Long Sùng

Đơn vị tính: Mẫu, sào, thước, tấc

Stt	Họ và tên	Chức danh	Diện tích				Tỷ lệ%
			Mẫu	Sào	Thước	Tấc	
1	Lê Đình Tuấn	Lý trưởng	8	7	2	5	27.01%
2	Lê Hữu Tửu	Hương mục	14	9	13	7	46.91%
3	Lê Đình Kiểm	Hương mục	4	2	9	9	13.04%
4	Lê Trọng Tín	Trùm trưởng	4	2	9	3	13.04%
	Cộng		**32**	**2**	**5**	**4**	**100%**

Nguồn: Địa bạ Long Sùng năm Minh Mệnh 13 (1832), Lưu tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia I, ký hiệu 14735

quân chủ, trong một chừng mực nhất định hiện tượng này nhận được sự đồng thuận và cho phép của nhà nước phong kiến nhằm khôi phục nền sản xuất, khắc phục tình trạng lưu hoang ruộng đất một phần do hệ lụy từ vấn nạn dân phiêu tán gây ra.

Về tình hình sở hữu ruộng đất trong các nhóm dòng họ tại Long Sùng (không kể dòng họ có chủ ruộng là người xã khác): Mức độ sở hữu ruộng đất của các dòng họ (bảng 7) có sự chênh lệch khá lớn về số chủ ruộng và diện tích sở hữu trong các dòng họ. Dòng họ Lê sở hữu số ruộng đất có diện tích lớn nhất, chiếm 85,49%, trong khi số chủ sở hữu của họ này cũng chiếm tới 78,58%. Tiếp theo là họ Nguyễn có 02 chủ sở hữu (7,14%), chiếm 4,89% diện tích sở hữu. Các họ: Hà, Phạm, Trịnh, Lương, mỗi họ đều có 1 chủ sở hữu (3,57%), tuy nhiên diện tích sở hữu tỷ lệ không giống nhau; họ Phạm có diện tích sở hữu ruộng đất chiếm 4,63%, lớn hơn so với 3 họ còn lại, họ Hà (1,46%), họ Trịnh (0,86%), họ Lương (2,67%) trong khi ngang bằng nhau về số chủ sở hữu, đều có đại diện là 1 chủ. Theo thường lệ, trong đời sống làng xã, những dòng họ lớn của làng là những dòng họ có số lượng nhân đinh đông, có thế lực và sở hữu nhiều diện tích ruộng đất. Ở Long Sùng, ngoài họ Hà là dòng họ có cư dân khai phá làng quê sớm nhất. Dù là họ đến sau, tuy nhiên dòng họ Lê trong đó có nhánh Lê Đình là dòng họ chiếm tỷ lệ lớn về dân đinh của Làng. Số ruộng đất đặt dưới quyền sở hữu của dòng họ Lê vì vậy cũng có tỷ lệ tương đồng với tỷ lệ nhân đinh, lớn nhất trong các dòng họ ở Long Sùng, đây cũng là dòng họ nắm quyền chi phối đời sống sinh hoạt của làng, xã. Điều đó lý giải tại sao trong 4 chức dịch của Long Sùng (1 Lý trưởng, 2 Hương mục, 1 Trùm trưởng), cả 4 vị trí đều thuộc người

của dòng họ Lê (bảng 8). Mặt khác, đối với các dòng họ gốc Long Sùng nhưng có ít chủ sở hữu (thậm chí chỉ có 1 chủ), điều này đã phản ánh một thực tế rằng những cư dân, chủ đất trước đây đã không hoặc chưa trở về quê hương bản quán, hoặc đã trú chân ở một địa phương khác. Nhưng một thực tế khác cũng có thể diễn ra, đó là thực trạng mua bán, kiêm tính ruộng đất đã biến họ thành những thân phận tá điền, người làm thuê trên chính mảnh ruộng trước đây còn thuộc quyền sở hữu.

Về sở hữu ruộng đất của bộ phận chức dịch ở Long Sùng, theo số liệu của Long Sùng địa bạ xã năm Minh Mệnh 13 (1832) được kê tại bảng 8, 4/4 (100%) chức sắc của Long Sùng đều thuộc người họ Lê và có mức sở hữu ruộng đất trên 4 mẫu, trong đó trường hợp Hương mục Lê Hữu Tửu có mức sở hữu tư điền lớn nhất xã 14 mẫu 9 sào 3 thước 7 tấc, chiếm 46.91% diện tích ruộng đất tư của chức dịch. Trường hợp Lý trưởng Lê Đình Tuấn là người sở hữu diện tích lớn thứ 02 với 8 mẫu 7 sào 2 thước 5 tấc, chiếm 27.01% diện tích ruộng đất thuộc quyền sở hữu của chức dịch. Như vậy, bộ phận chức sắc của Long Sùng không chỉ có quyền hành về chính trị, mặt khác họ còn là thế lực kinh tế của làng xã nhìn từ góc độ sở hữu ruộng đất và họ chính là là tầng lớp địa chủ thực sự tại địa phương.

2.3. Một số loại ruộng đất khác

Tổng các hạng đất khác của Long Sùng (không kể các hạng ruộng đất công tư) là 67 mẫu 4 sào 10 thước 5 tấc. Trong số đó, đất Đền một mảnh 3 sào 7 thước 5 tấc, phân bố thuộc xứ trong Làng. Số còn lại thuộc các hạng đất không sử dụng được vào mục đích canh tác, gồm có: Đất mộ địa (xứ đồng Lai), đất gò đồi (xứ đồng Lai), đất cũ khô cằn (xứ đồng Mạn), đất sóng cát trắng (xứ đồng Bãi) và đất sâu trũng (xứ đồng Lai) (19). Ở Long Sùng, không thấy sự xuất hiện của các loại ruộng hội, ruộng lão, ruộng học điền… Điều này là phù hợp, tương thích với tình hình ruộng đất của một làng xã thuộc diện phiêu tán mới được tái lập trở lại vào những năm cuối thời vua Gia Long, đầu thời vua Minh Mệnh.

3. Kết luận

Qua địa bạ Minh Mệnh thứ 13 (1832) cho thấy tình hình sở hữu tư nhân về ruộng đất ở Long Sùng phát triển khá mạnh. Tuy là làng phiêu tán được lập lại vào giai đoạn cuối thời vua Gia Long đầu thời vua Minh Mệnh tuy nhiên mức độ phân hóa, tập trung ruộng đất tại địa phương diễn ra rất nhanh; 95,19% ruộng đất của Long Sùng thuộc về sở hữu tư nhân với 78 chủ sở hữu. Ruộng đất công bị thu hẹp đáng kể, các hạng chỉ còn chưa tới 5%. Tuy sở hữu vừa và nhỏ là hình thức phổ biến (từ 02 đến 5 mẫu), nhưng cũng đã xuất hiện các chủ sở hữu từ 8-10 mẫu, có chủ đất sở hữu diện tích trên 14 mẫu. Mặt khác, có đến 32/78 chủ ruộng đất là nữ nắm trong tay 30,62% diện tích tư điền, đây là điều đặc biệt. Điều này thêm khẳng định quá trình tư hữu hóa ruộng đất tại Long Sùng và nhiều địa phương trên cả nước không còn là hiện tượng, đó là biểu hiện mang tính quy luật, một xu thế không thể đảo ngược của tình hình ruộng đất những năm đầu thế kỷ XIX.

Tìm hiểu tình hình ruộng đất đầu thế kỷ XIX qua trường hợp Long Sùng cho thấy, một hiện tượng phổ biến là việc xâm canh ruộng đất tại địa phương diễn ra tương đối mạnh và cũng là thực trạng

chung đối với nhiều địa phương của xứ Thanh như Hoằng Đạo, Bột Thái, Nguyệt Viên, Đại Tiền của huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đầu thế kỷ XIX như đã chỉ ra ở trên. Có tới 50/78 chủ sở hữu, chiếm 64,10% số chủ ruộng thuộc đối tượng xâm canh từ các địa phương khác. Tình hình đó một mặt phản ánh sự phân hóa ruộng đất tại làng quê, sự biến động về dân cư trước tác động của làn sóng phiêu tán, nhưng đồng thời nó là biểu hiện đầy đủ sinh động thể hiện những cố gắng của chính quyền quân chủ trong nỗ lực giải quyết thực trạng đất lưu hoang vô chủ do nạn dân phiêu tán tạo ra. Ở một khía cạnh khác, đây cũng là nguyên nhân gián tiếp thúc đẩy sự mua bán, tập trung ruộng đất trong các làng xã.

Sở hữu của chức dịch tại Long Sùng qua địa bạ năm Minh Mạng thứ 13 (1832), đã thể hiện những người nắm giữ chức vụ của làng, xã không chỉ có quyền lực và địa vị về chính trị. Bản thân lực lượng này còn là thế lực kinh tế của địa phương, ở một chừng mực nào đó có thể tác động và chi phối đến đời sống kinh tế làng xã, bởi thực tế từ Long Sùng cho thấy Lý trưởng và Hương mục là 2 chức dịch sở hữu nhiều ruộng đất nhất của làng xã.

Từ tình hình ruộng đất tại Long Sùng đầu thế kỷ XIX ta cũng nhận thấy: tuy từng là phên dậu của Kinh đô Vạn Lại-Yên Trường thời trung hưng, tuy nhiên khi công cuộc trung hưng hoàn tất, nhà Lê trở lại Thăng Long, như bao làng quê khác của xứ Thanh và cả nước cuối thời kỳ trung đại, Long Sùng cũng chịu sự tác động, chi phối sâu sắc từ thực tiễn lịch sử đất nước đầy biến động, sự phiêu tán và tái lập của một ngôi làng được hình thành từ thời Trần là minh chứng cụ thể, rõ ràng nhất.

Những diễn biến ruộng đất của Long Sùng những năm đầu thế kỷ XIX, hệ quả đó là sự tác động tổng hợp nhiều nhân tố: những biến động về tình hình chính trị đất nước, những chính sách về ruộng đất của triều Nguyễn và những nhân tố mang tính khách quan quy luật chi phối. Dù với bức tranh muôn màu muôn vẻ, thực trạng ruộng đất của Long Sùng vẫn nằm trong tổng thể chung bức tranh ruộng đất làng xã Việt Nam những năm đầu thế kỷ XIX.

CHÚ THÍCH

(1). Thuộc xã Thuận Minh huyện Thọ Xuân tỉnh Thanh Hóa.

(2). Tài liệu điền dã của tác giả.

(3). Đại Việt sử ký toàn thư, bản in Nội các quan bản, mộc bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697), Ngô Đức Thọ, Hoàng Văn Lâu dịch, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2004, tr. 150.

(4). Viện Nghiên cứu Hán Nôm, *Địa danh làng xã Việt Nam thế kỷ XIX*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2012, tr. 145.

(5). Vũ Huy Phúc, *Tìm hiểu chế độ ruộng đất Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1979, tr. 409.

(6). Thanh Hóa tỉnh, Thụy Nguyên huyện, Long Sùng xã, địa bạ Minh Mệnh 13 (1832), TTLTQGI, Ký hiệu: 14735.

(7). Thanh Hóa tỉnh, Thụy Nguyên huyện, Long Sùng xã, địa bạ Minh Mệnh 13 (1832), TTLTQGI, Ký hiệu: 14735.

(8). Thanh Hóa tỉnh, Thụy Nguyên huyện, Long Sùng xã, địa bạ Minh Mệnh 13 (1832), TTLTQGI, Ký hiệu: 14735.

(9). Nguyễn Hữu Thông, Mấy nét đặc trưng của làng xã miền trung,https://repository.vnu.edu.vn/bitstream/VNU_123/69245/1/327%282003-2%29_p24-31.pdf*(ttps://repository.vnu.edu.vn/bitstream/VNU_123/69245/1/327%282003-2%29_p24-31.pdf).*

(10). Vũ Văn Quân, *Vấn đề ruộng đất trong chính sách đối nội của Nhà Nguyễn ở nửa đầu thế kỷ XIX* (Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Chúa Nguyễn và Vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX). Thanh Hóa, ngày 18, 19 tháng 10 năm 2008, tr.349.

(11). Mai Phương Ngọc, *Cơ cấu kinh tế, văn hóa, xã hội xã Hoằng lộc (Hoằng Hóa, Thanh Hóa) thời kỳ trung đại* (Luận án Tiến sĩ Sử học), Viện Khoa học xã hội, Hà Nội, 2013, tr. 41.

(12). Nội các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ,* tập IV, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1993, tr.113, 114.

(13). Mai Phương Ngọc, *Cơ cấu kinh tế, văn hóa, xã hội xã Hoằng Lộc (Hoằng Hóa, Thanh Hóa) thời kỳ trung đại* (Luận án Tiến sĩ Sử học), Viện Khoa học xã hội, Hà Nội, 2013, tr. 43.

(14). Nguyễn Hữu Thông, Mấy nét đặc trưng của làng xã miền trung,https://repository.vnu.edu.vn/bitstream/VNU_123/69245/1/327%282003-2%29_p24-31.pdf*(ttps://repository.vnu.edu.vn/bitstream/VNU_123/69245/1/327%282003-2%29_p24-31.pdf).*

(15). Nguyễn Hữu Thông, Mấy nét đặc trưng của làng xã miền trung,https://repository.vnu.edu.vn/bitstream/VNU_123/69245/1/327%282003-2%29_p24-31.pdf*(ttps://repository.vnu.edu.vn/bitstream/VNU_123/69245/1/327%282003-2%29_p24-31.pdf).*

(16). Đinh Văn Viễn, *Vài nét về tình hình ruộng đất của làng Côi Trì (Yên Mô, Ninh Bình) nửa đầu thế kỷ XIX qua tư liệu địa bạ,* Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử,* (số 12.2010), tr. 42.

(17). Vũ Huy Phúc: *Tìm hiểu chế độ ruộng đất Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1979, tr. 171.

(18). Vũ Huy Phúc, *Tìm hiểu chế độ ruộng đất Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1979, tr.261.

(19). Thanh Hóa tỉnh, Thụy Nguyên huyện, Long Sùng xã, địa bạ Minh Mệnh thứ 13 (1832), TTLTQGI, Ký hiệu: 14735.